

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ HỆ HOÀN CHỈNH KIẾN THỨC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 636/QĐ-ĐHTL của Hiệu trưởng ngày 08 tháng 06 năm 2012)

TT	Tên môn học - Tiếng Việt	Tên môn học - Tiếng Anh	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			10				
I.1	Các môn kỹ năng	Communication Skills			5				
1	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Communication and Presentation Skills	COMS111	Phát triển kỹ năng	3	3			
2	Kỹ năng đàm phán	Critical Thinking	CRIT112	Phát triển kỹ năng	2		2		
I.2	Khoa học tự nhiên và tin học				5				
3	Toán II (Giải tích nhiều biến)	Mathematics II (Multivariable Calculus)	MATH122	Toán học	3	3			
4	Toán V (Xác suất thống kê)	Mathematics V (Probability Statistics)	MATH253	Toán học	2		2		
II	Giáo dục chuyên nghiệp	Professional Education			60				
II.1	Cơ sở khối ngành				4				
5	Kinh tế vi mô I	Principles of Microeconomics	ECON335	Kinh tế	2	2			
6	Kinh tế vĩ mô I	Macroeconomics	ECON346	Kinh tế	2	2			
II.2	Kiến thức cơ sở ngành				10				
7	Kinh tế lượng đại cương	Introduction to Econometrics	IEC451	Kinh tế	3		3		
8	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh	Statistics for Business and Economics	BUS350	Kinh tế	3			3	
9	Lý thuyết hạch toán kế toán	Accounting Theory	ACC470	Kế toán	2		2		
10	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	BUS360	Quản trị kinh doanh	2	2			
II.3	Kiến thức ngành				25				
11	Quản trị doanh nghiệp II	Business Administration II	BUS370	Quản trị kinh doanh	2			2	
12	Quản trị chiến lược	Strategy Management	BUS417	Quản trị kinh doanh	3			3	
13	Quản trị nhân lực	Human Resource Management	BUS330	Quản trị kinh doanh	2	2			
14	Toán kinh tế	Operations Research in Economics and Management	ORE316	Kinh tế	2			2	
15	Kinh tế quản lý	Managerial Economic	EC428	Kinh tế	3		3		
16	Tài chính doanh nghiệp	Entrepreneur Finance	BUS417	Kế toán	2		2		
17	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	Producing and Operation Management	POM417	Quản trị kinh doanh	3		3		
18	Quản lý chất lượng	Quality Management	QMA417	Quản trị kinh doanh	2			2	
19	Kỹ năng quản trị	Business Management	BUS478	Quản trị kinh doanh	3			3	
20	Thực hành ngành quản trị kinh doanh	Business Practice	BUS450	Quản trị kinh doanh	3				3
II.4	Học phần tốt nghiệp				7				7
II.5	Các môn tự chọn	Optional Subjects			14	6	3	5	
1	<i>Chính sách thương mại quốc tế</i>	<i>International Trade Policies</i>	<i>ITP317</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>3</i>		<i>3</i>		
2	<i>Kinh doanh quốc tế</i>	<i>International Business</i>	<i>IB318</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>3</i>			<i>3</i>	
3	<i>Thị trường chứng khoán</i>	<i>Stock Exchange</i>	<i>SE319</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>	<i>2</i>			
4	<i>Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh</i>	<i>Applied Game Theory in Business</i>	<i>AGB315</i>	<i>Quản trị kinh doanh</i>	<i>2</i>	<i>2</i>			
5	<i>Quản trị dự án</i>	<i>Managerial Accounting</i>	<i>ECO316</i>	<i>Kinh tế</i>	<i>2</i>		<i>2</i>		
6	<i>Đầu tư và quản lý rủi ro</i>	<i>Public Economics</i>	<i>ECO315</i>	<i>Kinh tế</i>	<i>2</i>	<i>2</i>			
7	<i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp</i>	<i>Envioment Economics</i>	<i>ENV315</i>	<i>Kinh tế</i>	<i>2</i>	<i>2</i>			
8	<i>Quản lý chuỗi cung ứng</i>				<i>2</i>			<i>2</i>	
9	<i>Quản lý công nghệ</i>				<i>2</i>			<i>2</i>	
	Tổng cộng (I + II) (tín chỉ)				70	20	20	20	10